

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360314	Hồ Hoài	An	17/11/2007	02DD15C1	8,5	5,5	6,5		6,0		6,2	Đạt
2	2223360417	Đoàn Xuân Phương	An	09/11/2007	02DD15C1	9,0	8,0	8,3		6,0		6,9	Đạt
3	2223360523	Phạm Thị Thiên	An	03/06/2007	02DD15C1	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
4	2223360053	Trần Minh Trâm	Anh	16/02/2005	02DD15C1	9,0	6,5	7,3		5,0		5,9	Đạt
5	2223360284	Hà Bảo	Anh	03/09/2007	02DD15C1	7,5	7,3	7,3		6,0		6,5	Đạt
6	2223360466	Vũ Trúc	Anh	09/04/2007	02DD15C1	7,5	6,3	6,7		5,5		6,0	Đạt
7	2223360187	Nguyễn Hoàng Ngọc	Ánh	16/03/2007	02DD15C1	8,5	6,0	6,8		4,5		5,4	Đạt
8	2223360273	Nguyễn	En - Ny	24/01/2007	02DD15C1	8,5	7,0	7,5		6,5		6,9	Đạt
9	2223360291	Trương Gia	Hân	07/06/2007	02DD15C1	4,5	2,0	2,8	TBKT	0,0		1,1	Học lại
10	2223360400	Nguyễn Thị Khả	Hân	14/06/2007	02DD15C1	8,0	6,5	7,0		8,0		7,6	Đạt
11	2223360122	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	05/09/2007	02DD15C1	8,5	5,0	6,2		4,5		5,2	Đạt
12	2223360492	Tạ Thanh	Hiền	12/02/2007	02DD15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0			TB Môn
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	2223360031	Ngô Quang	Hiệp	19/04/2002	02DD15C1	7,5	6,3	6,7		4,5		5,4	Đạt
14	2223360255	Bùi Minh	Khang	06/05/2007	02DD15C1	8,0	5,3	6,2		5,0		5,5	Đạt
15	2223360100	Dương Minh	Khôi	02/08/2006	02DD15C1	8,0	5,0	6,0		6,5		6,3	Đạt
16	2223360200	Vũ Diệp	Lam	14/07/2007	02DD15C1	8,5	7,3	7,7		7,0		7,3	Đạt
17	2223360125	Tạ Nguyễn Khánh	Linh	26/06/2007	02DD15C1	8,5	7,5	7,8		0,0		3,1	Thi lại
18	2223360295	Phan Thị Thùy	Linh	30/03/2007	02DD15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
19	2223360020	Nguyễn Xuân	Lợi	18/08/2001	02DD15C1	8,0	6,0	6,7		4,0		5,1	Đạt
20	2223360405	Nguyễn Hoàng Hải	My	17/09/2007	02DD15C1	8,0	7,0	7,3		0,0		2,9	Thi lại
21	2223360362	Trần Vương Song	Ngân	05/12/2007	02DD15C1	8,5	6,8	7,3		4,0		5,3	Đạt
22	2223360234	Võ Âu Bảo	Ngọc	13/09/2007	02DD15C1	8,5	5,8	6,7		0,0		2,7	Thi lại
23	2223360401	Hà Bảo	Ngọc	03/12/2007	02DD15C1	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
24	2223360058	Trần Thị Thanh	Nguyên	24/01/2004	02DD15C1	8,5	5,0	6,2		5,0		5,5	Đạt
25	2223360377	Nguyễn Hoàng Yên	Nhi	29/10/2007	02DD15C1	9,0	10,0	9,7		9,5		9,6	Đạt
26	2223360429	Dương Nguyệt	Nhi	24/06/2007	02DD15C1	9,5	9,8	9,7		9,0		9,3	Đạt
27	2223360183	Nguyễn Ngọc Yên	Như	22/05/2007	02DD15C1	8,0	5,5	6,3		6,5		6,4	Đạt
28	2223360157	Trương Nguyễn Kiều	Oanh	29/04/2007	02DD15C1	8,5	5,8	6,7		4,0		5,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0			TB Môn
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
29	2223360297	Trịnh Đoàn Tuấn	Phong	19/08/2007	02DD15C1	8,5	4,0	5,5		4,0		4,6	Đạt
30	2223360129	Lê Nguyễn Ngọc	Phuong	14/06/2007	02DD15C1	8,5	6,3	7,0		4,0		5,2	Đạt
31	2223360350	Đặng Thị Trúc	Phuong	15/10/2007	02DD15C1	8,0	7,3	7,5		5,5		6,3	Đạt
32	2223360011	Trần Ngọc Thanh	Thảo	23/04/2005	02DD15C1	8,5	6,0	6,8		4,5		5,4	Đạt
33	2223360536	Vũ Minh Gia	Thy	03/11/2007	02DD15C1	8,5	6,8	7,3		7,0		7,1	Đạt
34	2223360473	Lê Thị Thủy	Tiên	31/10/2007	02DD15C1	8,5	6,3	7,0		5,0		5,8	Đạt
35	2223360482	Lê Thủy	Tiên	09/04/2007	02DD15C1	4,0	0,0	1,3	TBKT	0,0		0,5	Học lại
36	2223360499	Trần Ngọc Trân	Trân	13/01/2007	02DD15C1	8,5	6,3	7,0		5,5		6,1	Đạt
37	2223240119	Mai Thanh	Trang	15/06/1997	02DD15A1	9,0	8,8	8,8		9,0		8,9	Đạt
38	2223360123	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	14/02/2007	02DD15C1	8,5	8,5	8,5		8,0		8,2	Đạt
39	2223360140	Lê Nguyễn Tường	Vy	03/10/2007	02DD15C1	8,0	6,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
40	2223360296	Nguyễn Võ Đan	Vy	22/04/2007	02DD15C1	8,0	6,8	7,2		4,0		5,3	Đạt
41	2223360354	Trần Thị Kiều	Vy	08/11/2007	02DD15C1	8,5	6,0	6,8		6,0		6,3	Đạt
42	2223360356	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	27/10/2007	02DD15C1	8,5	6,3	7,0		6,0		6,4	Đạt
43	2223360413	Lê Thanh	Vy	24/10/2007	02DD15C1	8,0	6,5	7,0		6,0		6,4	Đạt
44	2223360489	Phạm Thảo	Vy	27/04/2007	02DD15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
							4,0		6,0	6,0		
	1	23	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
45	1223360228	Mai Như Ý	10/08/2007	02DD15C1	4,0	3,5	3,7	TBKT	0,0		1,5	Học lại
46	2223360160	Nguyễn Hồng Phi Yến	18/07/2007	02DD15C1	7,0	6,3	6,5		5,0		5,6	Đạt